| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY BẮC**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 22/2024/QĐST-HNGĐ | *M, ngày 09 tháng 4 năm 2024.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh **Trần Văn N** - Sinh năm: 1994; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2/ Chị **Ngô Thị Út E** - Sinh năm: 1998; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn N và chị Ngô Thị Út E có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 06/01/2022 là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh N, chị Út E thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh N, chị Út E là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh N và chị Út E có một người con chung là: Trần Ngọc N1 - Sinh ngày 19/4/2022 hiện đang sống chung với anh N. Anh N, chị Út E thỏa thuận được với nhau là: Anh N được quyền nuôi con, chị Út E không phải

cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh N, chị Út E là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh N, chị Út E không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh N, chị Út E trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh N, chị Út E tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1/** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1) Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn N và chị Ngô Thị Út E thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2) Về con chung:

Anh Trần Văn N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa anh với chị Ngô Thị Út E là: Trần Ngọc N1 - Sinh ngày 19/4/2022 (hiện đang sống chung với anh N) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi, chị Út E không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.

Chị Ngô Thị Út E có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Trường hợp chị Út E lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì anh N có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Út E.

Vì lợi ích của con chung, anh N, chị Út E hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3) Về tài sản chung: Anh N, chị Út E không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4) Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

**2/** Về lệ phí sơ thẩm: Anh Trần Văn N, chị Ngô Thị Út E tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh N, chị Út E đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003184, 0003183 cùng ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; anh N, chị Út E đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

**3/** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- Anh Trần Văn N (01 bản);
- Chị Ngô Thị Út E (01 bản);
- UBND xã P (01 bản);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Nguyên**